

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP TN
TỈNH TN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/DS-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Bùi Phước Hòa.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN tham gia phiên toà:
Ông Ngô Văn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 595 đường BL, khu phố Ninh Thọ, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bà B, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2022, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị B trình bày:

Do có quen biết nhau nên vào ngày 30-01-2020 âm lịch, tôi có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 350.000.000 đồng, bà H có trả cho bà B số tiền vốn

20.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 330.000.000 đồng. Khi vay bà H có viết giấy tay ký tên và ghi rõ họ tên hện trong thời gian 02 tháng sẽ trả lại gốc và lãi. Lãi không ghi trong giấy mượn tiền nhưng có thỏa thuận miệng là 3%. Khi vay có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Công T và bà Nguyễn Thị H đứng tên để làm tin.

Bà B có tham gia hội của bà Nguyễn Thị H làm chủ thảo. Sau khi bà H bị kết án 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số: 22/2022/HSST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TN và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 433/2022/HSPT-QĐ ngày 24-6-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 35.400.000 đồng. Số tiền hội còn lại bà B yêu cầu gồm:

Dây hội thứ nhất: Số tiền 195.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai được trừ như sau: 58.600.000 - 35.400.000 đồng(trong bản án hình sự) = 23.200.000 đồng.

Dây hội thứ ba: Số tiền 106.800.000 đồng.

Tổng số tiền hội bà H còn nợ lại là 325.000.000 đồng. Bà H có ghi giấy tay giao cho bà B để làm tin số tiền hội và có ký tên ghi rõ họ tên.

Bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà số tiền vay gốc 330.000.000 đồng; tiền hội 325.000.000 đồng. Tổng cộng là 655.000.000 đồng. Bà B không yêu cầu tính lãi và ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác. Bà B đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Công T và bà Nguyễn Thị H đứng tên.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà H trình bày:

Bà thừa nhận có vay số tiền 330.000.000 đồng và tiền hội còn nợ lại là 325.000.000 đồng. Tổng 02 số tiền là 655.000.000 đồng, bà H đồng ý trả số tiền nêu trên và xin bà B tiền lãi.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền 655.000.000 đồng. Ghi nhận bà B không yêu cầu tính lãi; Bà B có nghĩa vụ trả lại cho bà H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn bà Trương Thị B và bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trương Thị B, bà Nguyễn Thị H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227; 228; 229 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 330.000.000 đồng và số tiền hui 325.000.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463; 471 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay 330.000.000 đồng và tiền hui 325.000.000 đồng thấy rằng:

Phía nguyên đơn bị đơn trình bày thống nhất số tiền vay là 330.000.000 đồng và tiền nợ hui là 325.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà H có ghi giấy tay và có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ch bà B để làm tin. Các dây hui bà H đều ghi lại cho bà B và có ký tên ghi rõ họ tên. Hội đồng xét xử ghi nhận số tiền bà H phải trả cho bà B là 655.000.000 đồng. Ghi nhận bà B không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét tính hợp pháp của việc bà H thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H và bà Trương Thị B, thấy rằng:

Để đảm bảo cho khoản vay 330.000.000 đồng giữa bà B và bà H không ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản thế chấp là phần đất diện tích 9.937 m² thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Tân Bình, tp TN, tỉnh TN do ông Phan Công T (chết năm 2020) và bà Nguyễn Thị H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thế chấp do hai bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên nhưng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 117 và khoản 2 Điều 119 Bộ luật Dân sự thì “Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo hình thức đó” và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định “Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”. Như vậy, việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà B và bà H không đăng ký theo quy định của pháp luật nên không phát sinh hiệu lực. Hội đồng xét xử cần buộc bà Trương Thị B có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AO

441755, số vào sổ cấp GCN: H02450 do Ủy ban nhân dân thị xã TN (nay là tp TN), tỉnh TN cấp ngày 08-12-2009.

[5] Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị B số tiền 655.000.000 đồng. Bà Trương Thị B có nghĩa vụ trả lại bà Nguyễn Thị H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Trương Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B đối với bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Trương Thị B số tiền nợ là 655.000.000 (Sáu trăm năm mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà B không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Bà Trương Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AO 441755, số vào sổ cấp GCN: H 02450 do Ủy ban nhân dân thị xã TN (nay là tp TN), tỉnh TN cấp ngày 08-12-2009 do ông Phan Công T và bà Nguyễn Thị H đứng tên sử dụng.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Bà Trương Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí 15.080.000 (Mười lăm triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0001224 ngày 25-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự tp TN, tỉnh TN.

3.2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 30.200.000 (Ba mươi triệu hai trăm nghìn) đồng.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Phát Bùi Phước Hòa

Trần Trọng Nghĩa